

Số: /BC-UBND

Hoài Nhơn, ngày tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo quy định của Sở Nội vụ, UBND thị xã Hoài Nhơn báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) quý I/2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ TUYÊN TRUYỀN CCHC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Để đảm bảo triển khai, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ về cải cách hành chính năm 2024, UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 29/12/2023 về Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024, trong đó, xác định rõ 14 chỉ tiêu và 08 nhiệm vụ với 24 phần việc cần thực hiện trong năm 2024 liên quan đến cải cách hành chính (CCHC) gồm cải cách thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính, tuyên truyền và công tác chỉ đạo điều hành CCHC; đồng thời ban hành nhiều văn bản¹ chỉ đạo và phân công cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo và Kế hoạch của UBND thị xã, các phòng, ban thị xã và UBND các xã, phường đã ban hành kế hoạch cải cách hành chính và triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2024.

UBND thị xã đã triển khai thực hiện khai mô hình “Hành chính phục vụ người dân” (theo Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2024 Kế hoạch triển khai mô hình “Hành chính phục vụ người dân” trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn) tại 02 đơn vị Hoài Tân, Hoài Mỹ; từ ngày 01 tháng 06 năm 2024 mở rộng việc thực hiện trên phạm vi toàn thị xã.

¹ Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thị xã về việc tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024;

Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND thị xã Hoài Nhơn ban hành Kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2024 trên địa bàn thị xã;

Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của UBND thị xã Hoài Nhơn ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn;

Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của UBND thị xã về việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024 trên địa bàn thị xã;

Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND thị xã việc giao 07 chỉ tiêu liên quan đến Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn năm 2024

2. Tiến độ thực hiện kế hoạch CCHC năm của đơn vị:

Đến thời điểm báo cáo, qua đánh giá, UBND thị xã đã thực hiện 9/24 nội dung. Các nhiệm vụ còn lại chưa đến hạn thực hiện hoặc đang triển khai chưa đánh giá kết quả.

3. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC:

Căn cứ vào Kế hoạch tuyên truyền của thị xã, các cơ quan, ban, ngành thị xã và UBND các xã, phường đã ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC hoặc lồng ghép nội dung tuyên truyền về CCHC vào các cuộc họp, hội nghị, các chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC tiếp tục được Ủy ban nhân dân thị xã đẩy mạnh thực hiện theo Kế hoạch; Công thông tin điện tử thị xã thường xuyên đăng các tin, bài về công tác CCHC, các văn bản chỉ đạo, báo cáo cải cách hành chính định kỳ, cải cách thủ tục hành chính; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính; dịch vụ bưu chính công ích.

4. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao: tính đến thời điểm này, UBND thị xã được giao 08 nhiệm vụ đã thực hiện 04 nhiệm vụ, trong đó đúng hạn 04 nhiệm vụ, 04 nhiệm vụ đang trong thời gian xử lý.

5. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị:

UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 về việc Công nhận đề tài sáng kiến, giải pháp công tác năm 2023, trong đó có 09 sáng kiến sáng kiến, giải pháp mới trong công tác CCHC; tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị địa phương tiếp tục áp dụng các sáng kiến, giải pháp mới trong công tác CCHC, tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến về CCHC trong năm 2024. Kết quả thực hiện sẽ đánh giá vào quý IV.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

- Kết quả xây dựng, tham mưu ban hành/ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trong kỳ báo cáo, UBND thị xã không ban hành bản quy phạm pháp luật.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật.

UBND thị xã ban hành Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 về việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024 trên địa bàn thị xã; giao Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên nhiều lĩnh vực, qua đó đã đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thị xã tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật trên từng lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi quản lý, đồng thời kiểm tra việc thực hiện, giải quyết các TTHC.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

UBND thị xã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 và triển khai chương trình công tác năm 2024. Đồng thời Giao phòng Tư pháp xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật xã, phường.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Qua rà soát danh mục văn bản quy phạm pháp luật, UBND thị xã ban hành Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của UBND thị xã về công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:

Công tác rà soát thủ tục hành chính được UBND thị xã quan tâm thực hiện, trong quý, UBND thị xã đã đăng ký danh mục thủ tục hành chính thực hiện rà soát, đánh giá năm 2024 tại Công văn số 153/UBND-VP ngày 12/01/2024 gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong kỳ, tiếp nhận 01 phản ánh, kiến nghị của người dân trên công dịch vụ công quốc gia, đã kịp thời xử lý, trả lời và đăng công khai theo quy định.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC: **(Phụ lục 02)**

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC.

Tổng số TTHC được công khai: 464 thủ tục: cấp huyện: 310 thủ tục (trong đó có 115 thủ tục DVC trực tuyến toàn trình, 160 thủ tục DVC trực tuyến một phần, 35 thủ tục còn lại); cấp xã: 154 Thủ tục (có 55 thủ tục DVC trực tuyến toàn trình, 60 thủ tục DVC trực tuyến một phần, 39 thủ tục còn lại).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- **Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:** 12/12 cơ quan, đơn vị thị xã đã rà soát, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị mình theo đúng hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; Quyết định về việc thay đổi tên cơ quan quản lý, chủ quản và hướng dẫn thủ tục đổi con dấu đối với 12 trường Mầm non, 26 trường Tiểu học và 17 trường Trung học cơ sở thuộc UBND thị xã.

- **Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại cơ quan, địa phương:** UBND thị xã đã ban hành Đề án số 01: /ĐA –UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024 về đề án sáp nhập

đơn vị hành chính xã Hoài Hải giai đoạn 2023-2025 và Kế hoạch triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính xã Hoài Hải giai đoạn 2023-2025.

- **Về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức:** UBND thị xã ban hành Quyết định số 912KH-UBND ngày 13/01/2024 về phân bố biên chế hành chính, đơn vị sự nghiệp thị xã năm 2024; Quyết định số 20500/QĐ-UBND ngày 28/2/2024 về giao số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp xã của thị xã Hoài Nhơn năm 2024.

- **Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền:** Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 30/10/2023 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; Thực hiện Quyết định số 10625/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã) về việc phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng kinh tế thị xã đã tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Kế hoạch số 115/KH-PKT ngày 20/02/2024 kiểm tra chuyên ngành, ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc ngành Nông nghiệp quản lý trên địa bàn thị xã năm 2024.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

- **Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:** Tiếp tục hướng dẫn các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thị xã và UBND các xã, phường hoàn thiện đề án vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị, địa phương và trình đề nghị tỉnh thẩm định Đề án vị trí việc làm theo quy định.

- **Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển):** ban hành quyết định tuyển dụng đối với 193 thí sinh đã hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển theo quy định; trình đề nghị UBND tỉnh bổ nhiệm ngạch, xếp lương chuyên viên chính đối với 08 công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023.

- **Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:** Thực hiện đúng quy trình về công tác bổ nhiệm², bổ nhiệm lại công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cam kết trách nhiệm thực hiện trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

² : 01 Phó Giám đốc Ban Quản lý Cảng cá và Dịch vụ đô thị, Giám đốc và 01 Phó Giám đốc Trung tâm GDNN – GDTX; Hiệu trưởng trường Tiểu học số 2 Tam Quan; Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 Hoài Thanh Tây; Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 Tam Quan Bắc; Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 Hoài Châu Bắc; Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 Hoài Thanh; 01 Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học số 2 Tam Quan Bắc; 01 Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 và số 2 Hoài Mỹ; 01 Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học số 2 Bồng Sơn; 02 Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Bồng Sơn; 01 Phó Hiệu trưởng Mầm non Tam Quan Nam và 01 Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Hoài Hải; Hiệu trưởng Trường Tiểu học số 2 Hoài Thanh; Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 và số 3 Hoài Hương; Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 và số 2 Hoài Tân; Hiệu trưởng trường THCS số 2

- **Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi:** UBND thị xã trình đề nghị UBND tỉnh bổ nhiệm ngạch, xếp lương chuyên viên chính đối với 08 công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023.

- **Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, địa phương:** UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn năm 2024; Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính các cấp;

- **Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:** để công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo hiệu quả, nâng cao năng lực thực thi công vụ của CBCCVC, UBND thị xã ban hành Kế hoạch số 41/UBND ngày 29/2/2024 về đào tạo bồi dưỡng năm 2024, trên cơ sở đó các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo nhiệm vụ được phân công.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thu, chi ngân sách:

- Ước tổng thu NSNN phát sinh trên địa bàn quý I năm 2024: 181,356 tỷ đồng, đạt 24% so dự toán, bằng 145% so cùng kỳ. Trong đó, thu cân đối chi thường xuyên 85,508 tỷ đồng, đạt 27% so dự toán, bằng 93% so cùng kỳ; thu tiền sử dụng đất 95,848 tỷ đồng, đạt 21% so dự toán, bằng 282% so cùng kỳ.

- Ước tổng chi ngân sách quý 1 năm 2023: 319,867 tỷ đồng, chiếm 26% dự toán năm và bằng 118% so cùng kỳ. Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 115,140 tỷ đồng, đạt 24% so dự toán và bằng 124% so cùng kỳ; Chi thường xuyên: 173,816 triệu đồng, đạt 23% so dự toán và bằng 114% so với cùng kỳ.

- Ước thực hiện đến Quý I/2024, Thị xã Hoài Nhơn sẽ giải ngân 125,618 tỷ đồng/580,039 tỷ đồng, đạt 21,7% kế hoạch; trong đó, Vốn thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giải ngân 2,485 tỷ đồng/4,314 tỷ đồng, đạt 57,6% kế hoạch; vốn ngân sách tỉnh cân đối hỗ trợ 10,478 tỷ đồng/74,999 tỷ đồng, đạt 14% kế hoạch; vốn giao cho thị xã thực hiện 88,713 tỷ đồng/444,973 tỷ đồng, đạt 19,9% kế hoạch.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

100% các cơ quan, đơn vị đã rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2024 đúng quy định, phù hợp tình hình tài chính ngân sách địa phương. Thực hiện giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị theo đúng quy định, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội.

- **Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập (theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP)**

Các đơn vị sự nghiệp được trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức công việc, sắp xếp tổ chức, bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính đã phát huy được khả năng, cung cấp dịch vụ với chất lượng cao, tăng nguồn thu từng bước giải quyết thu nhập cho người lao động.

Tổng số ĐVSN công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc: 72 đơn vị (trong đó 05 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, 09 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, 58 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Về xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương, phát triển hạ tầng kỹ thuật: Hoàn thành đầu tư Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông tại 08 xã, phường; Hoàn thành đầu tư Hệ thống bảo đảm An toàn thông tin theo cấp độ tại UBND thị xã; Có 133 chứng thư số, 147 sim ký số được cấp cho CBCCVC thị xã, xã phường; 100% CBCC là Lãnh đạo UBND thị xã, UBND các xã, phường được cấp sim ký số trên điện thoại di động.

Về Phát triển kinh tế số: Có 644/644 Doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp trên địa bàn thị xã sử dụng Hợp đồng điện tử, đăng ký khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử. Có 641/641 doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã được lên sàn thương mại điện tử; Có 50/50 sản phẩm OCOP thị xã có mặt trên sàn thương mại điện tử, đạt tỷ lệ 100%.

100% các trung tâm Y tế, bệnh viện, các cơ sở giáo dục, trường học, trung tâm trên địa bàn thị xã đã triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Đã triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt tại các Chợ, các cửa hiệu kinh doanh, tuyến phố không dùng tiền mặt ở một số địa phương: Tam Quan, Hoài Châu Bắc, Bồng Sơn....Các Phòng giao dịch, Chi nhánh ngân hàng trên địa bàn thị xã đang có chương trình mở mã QR Code cho các khách hàng đăng ký mở tài khoản để thanh toán khi giao dịch trao đổi mua bán hàng hóa, dịch vụ.

Về phát triển xã hội số: Có 139.287/204.670 người dân được cấp danh tính số, đạt tỷ lệ 68%; Có 1.066 chữ ký số được cấp cho công dân trên địa bàn thị xã để thực hiện ký số trên cổng dịch vụ công tỉnh, quốc gia (Trung tâm viễn thông II cấp 931 chữ ký số, Viettel cấp 135 chữ ký số); 98% người dân được lập Hồ sơ sức khỏe điện tử. Có 12 di tích được số hóa trên nền tảng Zalo và thực hiện cắm bản có mã QR phục vụ tra cứu thông tin (Địa điểm lưu niệm cuộc biểu tình năm 1931 tại cây số 7 Tài Lương, Nhà lưu niệm Chi bộ Cửu Lợi, Tàu không số Lộ Diêu, chiến thắng Chợ Cát, Di tích lịch sử Trạm Phẫu, Di tích lịch sử vụ thảm sát tại nhà thờ Thác đá hạ, Di tích lịch sử vụ thảm sát Ngã Ba Đình, Di tích lịch sử Cầm An Sơn, Di tích khảo cổ Động Cườm, Di tích lịch sử Đền thờ Đào Duy Từ, Di tích lịch sử chiến thắng Đồi 10, Di tích lịch sử Lãng Ông Nam Hải Vạn Kim Giao

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Ưu điểm:

UBND thị xã đã chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2024, triển khai thực hiện kịp thời các văn bản của cấp trên. Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường đã cụ thể hóa Kế hoạch của thị xã thành nội dung thực hiện của đơn vị, địa phương mình và tập trung triển khai thực hiện ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện CCHC

Một số phòng, ban, ngành thị xã và UBND các xã, phường chưa tích cực công tác tuyên truyền về CCHC. Việc xây dựng Kế hoạch và công tác chỉ đạo điều hành CCHC của một số xã, phường chưa thật sự bám sát vào các nhiệm vụ và chưa có giải pháp, sản phẩm cụ thể.

V. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN ĐẾN

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu, nhiệm vụ từng năm, giai đoạn theo Kế hoạch của UBND thị xã về thực hiện Chương trình hành động số 10- CTr/TU ngày 27/10/2020 của Thị ủy Hoài Nhơn và Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 30/6/2021 của Ban Thường vụ Thị ủy về thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về “Cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giai đoạn 2020-2025”.

- Bám sát các chương trình, kế hoạch, đề án và các quy định hiện hành của Trung ương, của tỉnh về cải cách hành chính để triển khai thực hiện, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm với các giải pháp đột phá, khả thi. Trong quá trình đó, tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tuyên truyền cải cách hành chính, kịp thời phát hiện, nhân rộng những điển hình, sáng kiến trong cải cách hành chính.

- Nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính hợp pháp, đồng bộ, thống nhất, tính khả thi, tính hiệu quả của văn bản. Tăng cường công tác rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành pháp luật, kịp thời phát hiện những bất cập để kiến nghị với cấp có thẩm quyền xử lý.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong công tác giải quyết thủ tục hành chính; ưu tiên đẩy mạnh việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tái sử dụng kết quả số hóa và khai thác hiệu quả “Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư”, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đáp ứng yêu cầu thực chất; đẩy mạnh thí điểm “Mô hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính phi địa giới hành chính” và Mô hình “Hành chính phục vụ người dân” trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Rà soát, hoàn thiện đề án cơ cấu vị trí việc làm theo ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. Tập trung thực hiện bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phương thức, lề lối làm việc, kiên quyết xử lý theo quy định những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi những thiếu, tiêu cực, tự ý đặt ra

thủ tục hành chính không đúng quy định hoặc để chậm, muộn hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, vi phạm đạo đức công vụ.

- Triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí do ngân sách nhà nước phân bổ; nâng cao hiệu quả quản lý tài sản công, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực..Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Tăng số đơn vị sự nghiệp được phê duyệt đề án tự chủ một phần và tăng mức độ tự chủ so với giai đoạn trước.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch chuyên đổi số và Kế hoạch thực hiện Đề án 06; trong đó, các cơ quan liên quan cần rà soát, bổ sung, cập nhật và triển khai thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, huy động các nguồn lực xã hội để nâng cao kỹ năng số cho người dân trong việc tương tác với chính quyền, nhất là trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Nhằm đánh giá khách quan, chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công, đồng thời tạo điều kiện để người dân phát huy vai trò giám sát và tham gia vào công tác cải cách hành chính của thị xã.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trong năm 2024, UBND tỉnh, Sở Nội vụ tiếp tục mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cải cách thủ tục hành chính cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan liên quan, nhất là những người trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c)
- Thường trực TU (b/c);
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng Nội vụ;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Chung

TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TỪ NGÀY 15-12-2023 ĐẾN NGÀY 13-03-2024

STT	Đơn vị	Tổng hồ sơ	Hồ sơ kỳ trước chuyển sang	Tổng hồ sơ tiếp nhận kỳ này	Hồ sơ có tài khoản DVCQG	Trong đó				Tỷ lệ số hóa TPHS (%)	Tổng số hồ sơ đã giải quyết	Hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn	Hồ sơ giải quyết trễ hạn	Trong đó		Hồ sơ sử dụng lại dự liệu số hóa	Tỷ lệ tái sử dụng KQ số hóa	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (%)	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (tính theo ngày thanh toán)	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (tính theo ngày tiếp nhận)	Tỷ lệ DVC TT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ khai thác CSDLQ G về DC	
						Hồ sơ tiếp nhận (trực tiếp)	Hồ sơ tiếp nhận (trực tuyến)	Số hóa thành phần hồ sơ (trực tiếp)						Hồ sơ số hóa kết quả	Tỷ lệ số hóa kết quả (%)								
								Một phần	Toàn bộ														
(1)	(2)			(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(6+7+8)	(10)			(11))=(11)/((13)	=(13)/(5+6)						
	Cấp huyện																						
1	UBND thị xã Hoài Nhơn	7.675	1445	6230	4704	61	6169	1	58	100	6862	6862	0	6789	98,9	1363	21,9	99,02	99,64	66,19	100,0	99,9	
	Cấp xã																						
1	UBND phường Bồng Sơn	651	1	650	650	6	644	0	6	100	645	645	0	640	99,2	629	96,8	99,08	100	100	100,0	100	
2	UBND phường Hoài Đức	360	0	360	358	3	357	0	3	100	357	357	0	357	100	355	98,6	99,17	100	99,63	100,0	100	
3	UBND phường Hoài Hào	432	23	409	405	12	397	4	8	100	430	430	0	430	100	345	84,4	97,07	100	98,75	95,8	99,7	
4	UBND phường Hoài Hương	387	5	382	365	13	369	0	13	100	377	377	0	375	99,5	235	61,5	96,60	100	99,28	93,8	100	
5	UBND phường Hoài Tân	371	2	369	365	10	359	0	10	100	370	370	0	370	100	215	58,3	97,29	100	100	100,0	100	
6	UBND phường Hoài Thanh	866	42	824	823	13	811	0	13	100	829	829	0	829	100	532	64,6	98,42	100	100	100,0	100	
7	UBND phường Hoài Thanh Tây	563	10	553	546	12	541	1	11	100	559	558	1	559	100	496	89,7	97,83	100	100	100,0	100	
8	UBND phường Hoài Xuân	242	5	237	237	14	223	0	14	100	241	241	0	241	100	230	97	94,09	100	97,78	93,8	99,9	
9	UBND phường Tam Quan	370	21	349	349	14	335	0	14	100	354	354	0	351	99,2	320	91,7	95,99	100	100	100,0	100	
10	UBND phường Tam Quan Bắc	310	6	304	300	5	299	0	5	100	285	285	0	283	99,3	267	87,8	98,36	100	100	100,0	100	
11	UBND phường Tam Quan Nam	256	5	251	248	16	235	11	5	100	255	255	0	254	99,6	198	78,9	93,63	100	100	91,7	99,8	
12	UBND xã Hoài Châu	296	14	282	281	12	270	0	12	100	285	285	0	285	100	220	78	95,74	100	100	100,0	99,9	
13	UBND xã Hoài Châu Bắc	197	1	196	196	10	186	0	10	100	191	191	0	191	100	130	66,3	94,90	100	100	100,0	100	
14	UBND xã Hoài Hải	162	0	162	161	2	160	1	1	100	162	162	0	162	100	135	83,3	98,77	100	95,59	91,7	100	
15	UBND xã Hoài Mỹ	324	7	317	314	5	312	0	5	100	302	302	0	302	100	209	65,9	98,42	100	99,53	100,0	99,9	
16	UBND xã Hoài Phú	282	18	264	255	11	253	0	10	99,6	272	272	0	268	98,5	246	93,2	95,83	100	98,96	100,0	99,3	
17	UBND xã Hoài Sơn	357	4	353	352	6	347	0	6	100	351	351	0	351	100	316	89,5	98,30	100	100	100,0	100	
	Tổng số cấp xã	6.426	164	6.262	6.205	164	6.098	17	146	100	6.265	6.264	1	6.248	99,73	5.078	81,09	97,38	100	99,57	97,76	99,94	
Σ	Tổng cấp huyện và xã	14.101	1.609	12.492	10.909	225	12.267	18	204	100	13.127	13.126	1	13.037	99,31	6.441	51,56	98,20	99,83	81,73	98,95	99,99	

01 hồ sơ giải quyết trễ hạn. (hồ sơ trễ hạn thuộc phường Hoài Thanh Tây:

Thủ tục đăng ký kết hôn: kết quả giải quyết trả cho công dân đúng hạn nhưng công chức thao tác chuyển bước trên phạm vi VNPT-

Phụ lục I
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	15	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	24	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	09	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số đơn vị thuộc cơ quan, địa phương đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	8	
1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	4	
1.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	01	
1.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
2.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	2	

Biểu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL ¹ đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
1.1.	Số VBQPPL do cơ quan (sở, ngành) tham mưu tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL		0	
3.1.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
3.1.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.1.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	03	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	320	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	155	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	106	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các cơ quan, địa phương tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	13127	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	13127	
3.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>		
3.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	1	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc, đáp ứng các tiêu chí theo quy định	Hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	86	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	84	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, đơn vị hành chính thuộc và trực thuộc	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2340	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	67	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	193	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Biểu mẫu 6

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	21,1%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	125,618	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	580,039	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) thuộc cơ quan, địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		72	
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập thuộc cơ quan, địa phương	Đơn vị	72	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	05	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	9	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	9	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	58	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
1.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).			
1.1.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
1.1.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện		97%	
1.1.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã		98%	
1.2.	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng			
1.2.1.	Cấp sở, ban, ngành cấp tỉnh			
1.2.2.	Cấp huyện	100%	100%	
1.2.3.	Cấp xã	100%	100%	
2.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
2.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	116	
2.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	116	
2.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	16	
2.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100%	
2.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	119	
2.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	119	
2.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	28	

2.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100%	
2.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của cơ quan, địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	296	
2.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	296	
2.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%	87%	
2.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	14101	
2.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	12267	
2.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	
2.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	180	
2.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	180	